



HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

**Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors**

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN THỊ KHEN

**Ban Chấp Hành T.U.
Executive Board**

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
Treasurer
NGUYỄN THỊ KHEN
Deputy Treasurer

**Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee**

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG

June 16, 1997

**RE: HUYNH XUAN HAI &
HUYNH TAN ANH**
(RF1-646)

Mr. Dewey R. Pendergrass
Director, Orderly Departure Program
American Embassy
Bangkok, Thailand
APO AP 96546

Dear Mr. Pendergrass:

Our Association is writing on behalf of Mr. Huynh Xuan Hai and Mr. Huynh Tan Anh (RF1-646), two sons of Mr. Huynh Dom, a former political prisoner who resettled in the United States as refugee under the HO subprogram of ODP in November, 1995. At the time of Mr. Huynh's processing by ODP, his two sons were not eligible for derivative status under this case due to the fact that they were over 21 years of age.

The McCain amendment restored eligibility to the sons of Mr. Huynh in September, 1996. The older son, Mr. Xuan Hai Huynh, married on May 14, 1996 and the younger son, Anh Tan Huynh, married on September 10, 1996.

On March 22, 1997, ODP interviewed my two sons under the McCain amendment and rejected both of them because the "cannot establish single status at the time of father's approval." (see copy of attached INS interview form).

We are at a loss to understand what more the two sons can do to establish their single status at the time of their father's approval. The marriage certificates (copies enclosed, along with photos) indicate that the two sons got married after their father's interview date in June, 1995. We have also enclosed copies of the petitions for verification from the police office of Thong Nhat District and police detachment of Trung Hoa Village verifying the timeframe of the sons' registration for marriage after their father's interview by ODP.

We ask that you review the document of this case and advise us specifically what more, in terms of documentation or form, the two sons can submit to establish single status at the time of their father's interview by ODP.

Huynh Letter
June 16, 1997
Page 2

We appreciate your attention to this case and we will be most grateful if you forward your response to our Association as the Huynh family has asked us for help.

Thank you so much.

Sincerely

Mrs. Khuc Minh Tho
President

Enclosures: As stated

CC: JVAR: Eldon Hager



Ký vào ngày cuối
Anh + Hải 14 - 5 - 1996

Telonyal



Kỷ niệm ngày cưới
Anh + Hải² 14 - 5 - 1956
Thủy

Kỷ niệm ngày cưới của hai
con Anh + chị
Thị

THE IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE
OF THE UNITED STATES OF AMERICA

Dear/Kính gửi:

HUYNH XUAN HAI & siblings RF 1, 646
(ODP applicant/Tên người đứng đơn)

- 1) ☐ We regret we are unable to approve your application for refugee resettlement admission to the United States.

To be resettled in the United States as a refugee, an applicant must meet the statutory definition of refugee contained in section 101(a)(42) of the Immigration and Nationality Act (INA), as amended. Refugee status can be approved only if the applicant establishes a credible claim of persecution or a well-founded fear of persecution on account of race, religion, nationality, membership in a particular social group, or political opinion. Additionally, all applicants for refugee status in the United States must establish that they are not precluded from entry into the United States under other sections of law.

During your interview with an officer of the United States Immigration and Naturalization Service (INS), your claim to having been persecuted or having a well-founded fear of persecution was reviewed. At that time, you were given the opportunity to present evidence, documentation, and/or an accumulation of detail through verbal testimony of the events or circumstances that support your claim of persecution or a well-founded fear of persecution. After carefully reviewing your account of these events and surrounding circumstances, it has been determined that you do not qualify for refugee status.

- 2) ☐ You may be eligible for Public Interest Parole (see attached letter).
- 3) ☐ We are unable to approve your application for resettlement in the United States under the Public Interest Parole program because you do not meet the criteria indicated below:

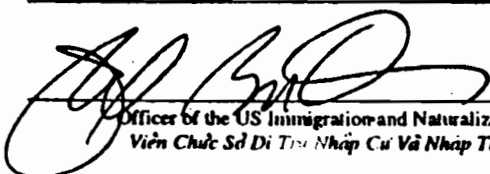
3a) ☐ Married sons and daughters (of former re-education camp detainees who are eligible as refugees) must have approved petitions filed on their behalf, or on behalf of their spouse, by a sibling or closer relation who is currently residing in the United States, who is willing to pay transportation costs, and who demonstrates that he/she has the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3b) ☐ Former US government or private company employees who are not eligible for refugee status may be considered for public interest parole only if they have siblings or closer relations currently residing in the United States who are willing to pay transportation costs and demonstrate that they have the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3c) ☐ Unmarried children of former US government or private company employees who are approved as Public Interest Parolees are allowed to accompany their parents to the United States only if the children are under the age of twenty-one.

3d) ☒

Not eligible. Cannot establish single status at time of father's approval.


Officer of the US Immigration and Naturalization Service
Viện Chức Sở Di Tị Nhập Cư Và Nhập Tịch Hoa Kỳ

Mar 22, 1997
Date/Ngày

Applicant Copy

INS-1
Refugee RMD Application (12/93)

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS**

PETITION FOR VERIFICATION

TO: Police Office of Thong Nhat District and
Police Detachment of Trung Hoa Village

We, the undersigned Huynh Xuan Hai, born in 1968 and Huynh Tan Anh, born in 1972, are residing at Bau Ca I hamlet, Trung Hoa Village, Thong Nhat District, Dong Nai Province.

Huynh Dom, our father, born in 1937, was a former political detainee interned for more than 5 years. He was granted an exit permit by the Vietnamese Ministry of Interiors and was allowed to leave Vietnam for a resettlement in the United States by a U.S. Delegation in 11, 1995.

During the interview both of us were denied by the delegation because we were over 21 years old. We realized that by all means we were not allowed to exit our country, therefore, we decided to get married.

Huynh Xuan Hai got married with Le Thi Hong Anh on 5/14/1996; Huynh Tan Anh with Truong Thi Nga on 9/10/1996.

Today, due to a change in the U.S. Humanitarian policy, the U.S government allows the children at the age of 21 or older to join their fathers and to be accompanied by their spouses and children. Therefore, we went to the Office of Foreign Affairs to file petition for an exit permit. we interviewed by a U.S. delegation on Mar 22, 1997. Unfortunately, we were denied because we were suspected of having got married before the departure of our father from Vietnam.

We hereby would like to request our official marriage. Taken place before our father's departure be certified in hope that it would help us in filing a petition for reconsideration of our case in the future.

Your consideration would be highly appreciated.

Trung Hoa, April 16, 1997

Respectively,
Huynh Xuan Hai
Huynh Tan Anh

Signed
Singed

CERTIFICATION
People's Committee of Trung Hoa Village

Certifies that Huynh Dom's family were allowed to depart for America in 11.'95. His two sons Hai and his older brother were left behind because they were over 21 years old. After that these two men did come to register for marriage on the dates as stated in the petition. The entries were made in the record of our locality. Respectfully forward to our superiors for consideration and assistance.

Trung Hoa, April 16, 1997
For Village People's Committee
Vice Chairman
Signed and sealed
Nguyen Tien Duc

Verification

Police Office of Thong Nhat district Certifies that the statements in the petition and the signature of the Vice Chairman of the People's Committee of Trung Hoa Village are true.

Thong Nhat, April 17, 1997
Police Chief of the district
Signed and sealed
Ngo Van Chien

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

T.Đ.Đ. - Tự do - Hạnh phúc.

ĐƠN XIN XÁC NHẬN

Kính gửi: Phòng công an Huyện Thống Nhất. Đồng kính ban công an xã Trung Hòa.
Chúng tôi đồng ký tên dưới đây là:

Hùng Xuân Hải sinh năm 1968.

Hùng Tấn Anh sinh năm 1972.

Hiện thường trú tại ấp Hòa An I, xã Trung Hòa, Huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Nguyễn Cha tôi tên là: Hùng Đóm sinh năm 1937, là tù nhân chính trị có tập trung cải tạo hơn 5 năm, và đã được trả về vụ Việt Nam cho phép xuất cảnh, và được phái đoàn Hoa Kỳ cho phép nhập cư vào Hoa Kỳ, và rời khỏi Việt Nam vào tháng 11-1995.

Trong lúc gia đình tôi được gặp phái đoàn thì bị anh bạn tôi bị tử chết vì trên 21 tuổi. Do việc thấy không thể xuất cảnh được nữa. Nên hai anh em tôi đã gửi đơn đến chính quyền Việt Nam xin lập gia đình.

Hùng Xuân Hải đã xin kết hôn cùng Lê Thị Hồng Anh vào ngày 14.05.1996.

Hùng Tấn Anh đã xin kết hôn cùng Trương Thị Nga vào ngày 10.09.1996.

Hiện nay theo chính sách nhân đạo của chính phủ Hoa Kỳ, cho phép các con trên 21 tuổi được phép đoàn tụ theo cha, và có cho phép được đoàn tụ vợ con theo. Nên anh em chúng tôi đã đến trình diện ở ngoại vụ xin xuất cảnh. và được gặp phái đoàn phỏng vấn vào ngày 22-03-1997, nhưng bị phái đoàn từ chối vì bị trì hoãn chúng tôi kết hôn trước ngày cha chúng tôi ra đi.

Vấn chúng tôi làm đơn này kính xin quý cấp xác nhận về việc chúng tôi kết hôn chính thức sau ngày cha chúng tôi xuất cảnh sang Hoa Kỳ. Để chúng tôi làm cơ sở xin xuất cảnh về việc xuất cảnh.

Kính xin quý cấp xác giúp đỡ, chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Trung Hòa ngày 16.04.1997.

Kính đến.

Hùng Xuân Hải.

Hùng Tấn Anh.

Hải
Tấn Anh

Xác nhận.

UBND Xã Trung Hòa.

Xác nhận Opt ông Nguyễn Văn Đức theo phép kết hôn
Sang Mỹ tháng 11-1995. Hai người con trai là
Hải và Ông là kết hôn và trên 21 tuổi. Sau
này 2 người con đến xin đăng ký kết hôn vào
những ngày tháng theo đơn, đúng từ đã vào
Sở hộ tại địa phương. Kê cấp trên xác giúp
đó. Trung hòa 16-4-1998.

TH. UBND xã



PHÓ CHỦ TỊCH

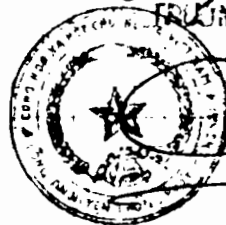
Nguyễn Văn Đức

Chứng nhận.

Công an huyện Chông Nhất
chứng nhận lời khai theo đơn xin
và chữ ký của Ông Phó Chủ tịch
UBND xã Trung Hòa là đúng.

Thống Nhất, ngày 17/4/98.

TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN



MIÊU

Nguyễn Văn Đức

Tacoma ngày 3/6/97.

Kính Gìn. Hôn.

Tôi Tên Là Huỳnh Đỉnh.

Địa chỉ: 1818 Court "F" Street #116. Tacoma WA 98401.

HO #

IV# RFI - 646.

Kèm theo đây Tôi xin gửi bổ túc thêm giấy tờ
Xác nhận Que Em tôi. Về Việc xin thôi can thiệp
giúp đỡ cho An dân tôi. Vừa qua gặp phải đấng
nhưng đỡ tại Tòa Chín.

- Trước đây Tôi đã gửi qua hai lần đủ giấy
tờ về hình bóng Xác nhận.

Một lần nữa xin hai nhân sĩ đây lòng Chân
thành biết ơn. Sầu xa của Tôi.

Nguyên Xin Thưởng Đê ban phước lành.
Trân quý ừ.

Kính chào.

Huỳnh Đỉnh.

Note:

Enclosed with this petition is a copy of my letter of explanation. This letter has been mailed to your office.

I believe that all of these would give you a general picture of our situation.

Tacoma Community House
1314 South L Street
Post Office Box 5107
Tacoma, Washington 98405
206 383-3951

TACOMA COMMUNITY HOUSE

Province/City: DONG-NAI
District: THONG-NHAT
Village/sub-dist. TRANG-BOM II

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence*Freedom*Happiness
===
MARRIAGE CERTIFICATE

Form: TP/HT-7
Book: 01
NO. : 116

Wife's full name :
LE THI HONG-ANH
Date of birth: 1964
Native: Son-chau, Que-Son,
Quang-nam Danang
Residence: Que-Son - Quang-Nam
Danang
Occupation: Vendor
Ethnicity: Kinh
Nationality: Vietnamese
Certificate of Citizen Card No.
or VISA No. 200616476

Husband's full name:
HUYNH XUAN HAI
Date of birth: 1968
Native: Que-chau, Que-Son,
Quang-nam/Danang
Residence: Hamlet Bau-ca II
Village Trung-Hoa
Thong-Nhat Dong-Nai
Occupation: Timber
Ethnicity: Kinh
Nationality: Vietnamese
Certificate of Citizen Card No.
or VISA No. 200060208

Wife's signature: Le thi Hong-Anh.

Husband's signature: Huynh Xuan Hai.

Issued date: May 14TH./1996

For/The People's Committee TRUNG HOA.
Vice President

Signed : Le Van Ban

Seal: UBND Trung-Hoa

##- Certification of Translator's Competency.

I, Chire/h ✓, attest to my competency to translate from Vietnamese into English, and I certify that this is a correct English translation of all pertinent information from the original "CHUNG NHAN KET HON"

Date: April 17th/97

Signature of Translator: [Signature]

*** SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME:

ON: April 17, 1997

AT: Tacoma WA.

BY: Place

Ize-Hua Willis

Notary

My appointment

expires on : 1-29-01



Tỉnh, Thành phố:

Sông Nhé

Huyện, Quận:

Thị trấn Nhé

Xã, Phường:

Thị trấn Nhé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HTS

Quyển số:

Số:

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ:

Lê Thị Hồng Anh

Họ tên chồng:

Huỳnh Xuân Hải

Sinh ngày:

10/6/81

Sinh ngày:

10/6/81

Quê quán:

Thị trấn Nhé, Quận Nhé, TP. HCM

Quê quán:

Thị trấn Nhé, Quận Nhé, TP. HCM

Nơi thường trú:

Thị trấn Nhé, Quận Nhé, TP. HCM

Nơi thường trú:

Thị trấn Nhé, Quận Nhé, TP. HCM

Nghề nghiệp:

Phụ nữ nội trợ

Nghề nghiệp:

Phụ nữ nội trợ

Dân tộc:

Kinh

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quốc tịch:

Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu:

200616176

Số CMND hoặc Hộ chiếu:

200616202

Ngày 14 tháng 5 năm 1996

Chữ ký người vợ:

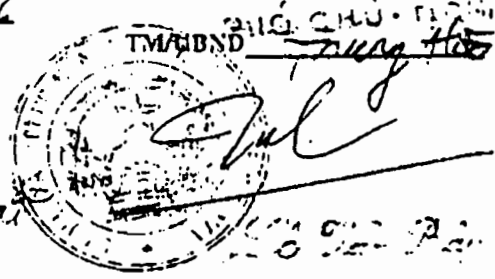
Lê Thị Hồng Anh

Chữ ký người chồng:

Huỳnh Xuân Hải

Lê Thị Hồng Anh

Huỳnh Xuân Hải



Tacoma Community House
1314 South L Street
Post Office Box 5107
Tacoma, Washington 98405
206 383-3951

TACOMA COMMUNITY HOUSE

EXTRACT FROM BIRTH RECORDS

Registered No. 53

Child's full name : LE THI HONG-ANH
Sex : Female
Date of Birth : February 10th, 1964
Place of Birth : Son-Chau, Que Son, Quang Nam
Father's full name : Le Quang Toan
Age : 40 years old
Occupation : Military
Residence : KBC 4130
Mother's full name : Pham thi Anh
Age : 43 years old
Occupation : Farmer
Residence : Son Chau, Que Son, Quang Nam
Wife(1st/2nd rank) : 1st rank
Declarant's name : Le Quang Toan
Age : 40 years old
Occupation : Military
Residence : KBC. 4130
Registered date : February 25th, 1964
1st witness' name : Phan Van Nhat
Age : 30 years old
Occupation : Military
Residence : KBC. 4130
2nd witness' name : Le van Thu
Age : 53 years old
Occupation : Farmer
Residence : Son Chau, Que Son, Quang Nam.

IDENTICALLY EXTRACT FROM
BIRTH RECORD.

Son Chau, April 26th/67.

Signed: Truong Cong Dan

Seal of Village Son Chau.

Certified the signature
beside is the signature
of the Chief of village
Son Chau.

Chief of District

Signature illegible

District Seal

Que Son, April 27/69.

FILED AT: Son Chau, dated February 25th, 1964.

Declarant
Le Quang Toan

Magistrate
LUONG TRIEU

Witnesses
Phan van Nhat
Le van thu

#.- CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE.

I, Chonk Up hereby certify that the above is an accurate translation of the original "TRICH-LUC KHAI-SANH" in Vietnamese, and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

DATE:

April 17th/97

Michael V. Chonk
Signature of Translator.

** SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME

ON

AT

BY

April 17, 1997

Tacoma, WA

Le-Hua Wallis

Notary

My appointment expires on: 1-29-01



KHAI SANH

Số hiệu: 53

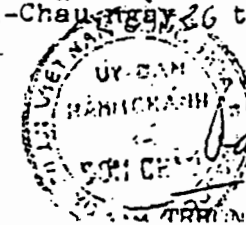
Tên, họ đủ nhĩ:	Lê-thị Hồng-Anh
Phái:	Nữ
Sinh:	Ngày mười, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tư (10-02-1964)
(Ngày, tháng, năm)	
Tại:	Sơn Châu, Quê Sơn, Quảng Nam
Cha:	Lê-Quang-Toản
(Tên họ)	
Tuổi:	Bốn mươi lăm
Nghề-nghiệp:	Quân nhân
Cư-trú tại:	KBC.4170
Mẹ:	Phạm-thị-Anh
(Tên họ)	
Tuổi:	Bốn mươi ba
Nghề-nghiệp:	Nông
Cư-trú tại:	Sơn Châu, Quê Sơn, Quảng Nam
Vợ:	Chánh
Người khai:	Lê-Quang-Toản
(Tên họ)	
Tuổi:	Bốn mươi lăm
Nghề-nghiệp:	Quân nhân
Cư-trú tại:	KBC.4170
Ngày khai:	Ngày 25 tháng 02 năm 1964
Người chứng thứ nhất:	Phan-văn-Nhật
(Tên họ)	
Tuổi:	Ba mươi sáu
Nghề-nghiệp:	Quân nhân
Cư-trú tại:	KBC.4170
Người chứng thứ nhì:	Lê-văn-Thứ
(Tên họ)	
Tuổi:	Năm mươi ba
Nghề-nghiệp:	Nông
Cư-trú tại:	Sơn Châu, Quê Sơn, Quảng Nam

KHAI SANH CHỦ KÝ CHỈ Lê-thị Hồng-Anh làm tại Sơn-Châu, ngày 25 tháng 02 năm 1964
 Ông Xã Trưởng Phan-văn-Nhật
 Ông Xã Lê-văn-Thứ ngày 27 tháng 04 năm 69

Người khai: Lê-Quang-Toản Hộ-lai: LƯƠNG-TRẦN Nhân-chứng: Phan-văn-Nhật
Lê-văn-Thứ



Handwritten signature



PHỤ LỤC THÍCH LỤC
 Sơn-Châu, ngày 26 tháng 4 năm 1964

Handwritten signature

Tacoma Community House
1314 South L Street
Post Office Box 5107
Tacoma, Washington 98405
206 383-3951

TACOMA COMMUNITY HOUSE

EXTRACT FROM BIRTH RECORDS

Registered No. 078

Child's full name : HUYNH - XUAN - HAI
Sex : Male
Date of Birth : February 10TH, 1968.
Place of Birth : Son Chau, Que Son, Quang Nam
Father's full name: Huynh Dom
Age : 1937
Occupation : Military
Residence : KBC 4130
Mother's full name: Truong Thi Dung
Age : 1942
Occupation : Farmer
Residence : Son Chau, Que Son, Quang Nam.
Wife(1st/2nd rank): 1st rank
Declarant's name : Huynh Dom
Age : 1937
Occupation : Military
Residence : KBC 4130
Registered date : February 20th, 1968
1st witness' name : Huynh Luc
Age : 30 years old
Occupation : Military
Residence : KBC. 4130
2nd witness' name : Vo van Toan
Age : 28 years old
Occupation : Military
Residence : KBC. 4130

Certified the signature of
Mr. Truong Quang Dan .
dated Feb.24th/68
For the Province Chief of
Province Quang Nam.
Chief & Vice of District.
Signature illegible
District Seal.

Declarant's signature
Huynh Dom

FILED AT: SON CHAU, dated February 20th, 1968 .
Chief of Village Acting Magistrate
signed: TRUONG QUANG DAN

Witnesses' signatures

1/ Huynh Luc
2/ Vo Van Toan

EXTRACT IDENTICALLY FROM BIRTH RECORD
Feb.22/68.

#.- CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE.

I, CHINH VU hereby certify that the above is an accurate translation of
the original "TRICH-LUC KHAI-SANH" in Vietnamese, and that I am competent in both
English and Vietnamese to render such translation.

DATE: April 17th/97

Signature of Translator.

** SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME

ON

AT

BY

April 17, 1997
Date
Tacoma, WA.
Place
Be-Hua Wallis
Notary

My appointment expires on: 1-29-01



Tỉnh, Thành phố Đông Ngai
Huyện, Quận Thị trấn Nhứt
Xã, Phường Tân Nhứt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TPHTB
Quyển số 01
Số 126

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ Lê Thị Hồng Anh Họ tên chồng Nguyễn Xuân Hải

Sinh ngày 10/6/1961 Sinh ngày 10/6/1968
Quê quán Thị trấn Nhứt, Quận Nhứt, TP. HCM Quê quán Quê Nhứt, Quận Nhứt, TP. HCM

Nơi thường trú Quê Nhứt, Quận Nhứt, TP. HCM Nơi thường trú Ấp Nhứt, Quận Nhứt, TP. HCM

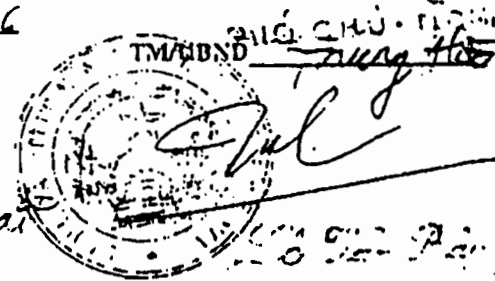
Nghề nghiệp Đã nghỉ hưu Nghề nghiệp Đã nghỉ hưu
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 200616176 Số CMND hoặc Hộ chiếu 200616176

Chữ ký người vợ Lê Thị Hồng Anh Ngày 14 tháng 5 năm 1996
Chữ ký người chồng Nguyễn Xuân Hải

Lê Thị Hồng Anh

Nguyễn Xuân Hải



Dom Huynh

April 19th, 1997

FVPPA

RE: Huynh, Hai Xuan and wife, Le, Hong Thi Anh
 Huynh, Anh Tan and wife, Truong, Nga Thi
IV #: RF1 - 646
Interviewed: June 11, 1995

To Whom It May Concern:

I am writing on behalf of my sons, Hai Xuan Huynh and Anh Tan Huynh and their wives Hong Thi Anh Le and Nga Thi Truong, respectively. At the time when I left Vietnam through the Orderly Departure Program, arriving to America on November 14, 1995, my sons were living in Dong Nai, Vietnam, and were single. I left for America with my two daughters, who were eligible to come with me. My two older sons, Hai Xuan Huynh and Anh Tan Huynh were, at the time, ineligible to come with me because they were over 21 years of age.

On May 14, 1996, my older son, Xuan Hai Huynh, married, six months after I had settled in America. My younger son, Anh Tan Huynh, was married September 10, 1996, ten months after I arrived to America. However, at the time of my approval and departure to America, my sons were unmarried.

I believe that my son's status under the eligibility guidelines of the ODP are affected by the McCain Amendment of the 1997 Foreign Operations Act, which restores eligibility for my sons to come to the U.S.. I was a former Vietnamese political prisoner and at the time of my approval to come to the U.S., my sons were single.

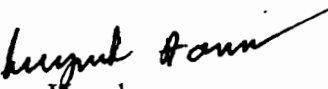
My sons had an ODP interview on November 6, 1995. On March 22, 1997, I was notified that my sons were not eligible to come to the U.S. because they could not establish single status at the time I was approved to go to the U.S.. However, I, Dom Huynh, am testifying that my sons were unmarried when I had to leave them in November of 1995 and then after were married several months after I left Vietnam.

In this dilemma, I ask for your help in arranging for my sons' case to be reconsidered. My sons were indeed unmarried at the time of my approval and under the McCain amendment, I believe

that they can now come to the states to be reunited with my daughters and I. My sons also have documented marriage licenses that account for their marriages being several months after I departed to the U.S.. I know that your office is busy with many cases, but my family and I are equally anxious to ensure that the case of my children be reconsidered under the new law before their eligibility expires.

On behalf of my family, I thank you for your help in this matter. I have enclosed the paperwork I have on my sons' case, in hopes that it may assist you in any way. Thank you for your time. Your help is much appreciated.

Sincerely,


Dom Huynh

cc: Mr. Dewey Pendergrass, ODP Director

enc

PARENTS INFORMATION

Father's Name (L/M/F): **HUYNH DOM** Mother's Name (L/M/F): _____
No. of eligible Children: **4** Status: _____ Date of ODP interview (dd/mm/yy): **11/6/95**
Address in USA: _____
Phone: Home: _____ IV#: _____
Business: _____ HO#: **RF1-646**

CHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Child Name (L/M/F): **HUYNH XUAN HAI** DOB (dd/mm/yy): **10/2/68**
Address in Vietnam: **Ap Bau Ca II, Trang Bom 2, H. Thong Nhat - DONG NAI**
Sex: **Male** Marital Status: **Married** Marriage date (dd/mm/yy): **14/5/96**
Spouse's Name (L/M/F): **LE THI HONG ANH** DOB (dd/mm/yy): **10/2/64**
No. of Children: _____ Exit Permit: **yes** LOI: _____

GRANDCHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Grandchild Name (L/M/F): _____ Sex: _____ DOB (dd/mm/yy): _____

FINAL STATUS INFORMATION

Date of ODP interview (dd/mm/yy): **22/3/97** Date of Arrival (dd/mm/yy): _____
Date of Denial (dd/mm/yy): **22/3/97** Date of Appeal (dd/mm/yy): _____

Applicant IV#: _____ Date (dd/mm/yy): **16/5/97** Initial: **NHV**

RESIDENT ALIEN

U.S. Department of Justice-Immigration and Naturalization Service

HUYNH, DOM



NAME

05 01 37

DOB

A074505798

ALIEN NUMBER

03 20 07

CARD EXPIRES

Handwritten signature



LỜI DẪN

- [illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DATE: 11/11/11

SECRET
NO FORN DISSEM
CONFIDENTIAL

GIA DINH

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Văn Hùng

Số nhà _____ (ngày tháng) _____

Hàng số, tên họ, địa

Phường, xã, thị trấn Huân, Hòa, 2

Quận, huyện, thị xã, thành phố trực tiếp

QUẢN SỐ 1612

(K20 15cm x 19cm)

Quan hệ với chủ hộ	Chữ họ	Và
Nội dung	Huỳnh Đôn	Trưởng thu' Lương
1. Họ và tên		
Tên thường gọi		
2. Ngày tháng năm sinh	1937	1942
3. Nơi sinh	Quê Sơn, QN ĐN	Quê Sơn, QN ĐN
4. Nam hay nữ	nam	nữ
5. Nguyên quán	Quê Sơn, QN ĐN	Quê Sơn, QN ĐN
6. Dân tộc	Kinh	Kinh
7. Tôn giáo		
8. Số giấy CMND	200960137	220616637
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc	Làm ruộng, Trường	Làm ruộng, Trường
10. Chuyển đến :		
— Ở đầu cầu	Quê Sơn, QN ĐN	Quê Sơn, AN ĐN
— Ngày đến	1987	1987
11. Chuyển đi :		
— Đi đầu		
— Ngày đi		
Cơ quan PKHK Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận, Huyện ký tên, đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp báo)		

CHỦ HỘ :

Số _____ /SL

Nội dung	Quan hệ với chủ hộ	Quan hệ với chủ hộ
1. Họ và tên Tên thường gọi	con Huỳnh Xuân Hậu	con Huỳnh Long Chính
2. Ngày tháng năm sinh	1968.	1970.
3. Nơi sinh	Quê Sơn, QN/ĐN	Quê Sơn, QN/ĐN
4. Nam hay nữ	nam	nam
5. Nguyên quán	Quê Sơn, QN/ĐN	Quê Sơn, QN/ĐN
6. Dân tộc	Kinh	Kinh
7. Tôn giáo		
8. Số giấy CMND	200960208	200980125
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc	Làm việc tại: Trung tâm Tỉnh Đoàn ĐN	Làm việc tại: Trung tâm Liên 2 PH. ĐN
10. Chuyển đến : — Ở đâu đến — Ngày đến	Quê Sơn, QN/ĐN 1987	Quê Sơn, QN/ĐN 1987
11. Chuyển đi : — Đi đâu — Ngày đi		Tách hộ - Hướng Kê 1-3-1995
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận, Huyện ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên cấp bậc)	

CHỦ HỘ :

Số _____ /SL

Nội dung	Quan hệ với chủ hộ	Quan hệ với chủ hộ
1. Họ và tên Tên thường gọi	con Huỳnh Tấn Anb	con Huỳnh Thị Hồng Duyên
2. Ngày tháng năm sinh	1972	1975
3. Nơi sinh	Quê Sơn, QN/ĐN	Quê Sơn, QN/ĐN
4. Nam hay nữ	nam	nữ
5. Nguyên quán	Quê Sơn, QN/ĐN	Quê Sơn, QN/ĐN
6. Dân tộc	Kinh	Kinh
7. Tôn giáo		
8. Số giấy CMND	271145170	271272590
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc	Làm việc tại: Trung tâm Tỉnh Đoàn ĐN	Làm việc tại: Trung tâm Liên 2 PH. ĐN
10. Chuyển đến : — Ở đâu đến — Ngày đến	Quê Sơn, QN/ĐN 1987	Quê Sơn, QN/ĐN 1987
11. Chuyển đi : — Đi đâu — Ngày đi		
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận, Huyện ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên cấp bậc)	

58 15L

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

SỔ HỘ KHẨU
GIA ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ

TRƯỜNG THỊ DUNG

Số nhà ngõ, hẻm

Quang phổ, xóm, ấp

Bàu cá II

Phường, xã, thị trấn

Trung Hòa

Huyện lỵ, xã, T.P. thuộc tỉnh

Thống Nhất, Đồng Nai

Ngày 16 tháng 2 năm 1986

Trưởng Công an Thống Nhất

(Họ tên, chức vụ, cấp bậc ký tên đóng dấu)



Số Hộ sơ họ

1012/S1

Ngô Văn Chiến

Số

Mẫu số NK3a

CHỦ HỘ

1

Họ và tên

TRƯỜNG THỊ DUNG

Bí danh (Tên thường gọi)

Ngày sinh

1942

Nam, Nữ

Nơi sinh

Quê Sơn QNĐN

Nguyên quán

Quê Sơn QNĐN

Dân tộc

Kinh

Tôn giáo

Nghề nghiệp

Làm Rẫy

Nơi làm việc

Xp Bàu cá II xã Trung Hòa

Giấy CMND số

200616637

Ngày cấp

Nơi cấp

Chuyển đến ngày

1987

Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Quê Sơn QNĐN

Ngàytháng.... năm....

Trưởng Công an

Chuyển đi ngày

Nơi chuyển đến

Trưởng công an

2

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: conHọ và tên: HUYỀN XUÂN HẢI

Bí danh (Tên thường gọi):

Ngày sinh: 1968 Nam, Nữ NữNơi sinh: Quê Sơn QNĐNNguyên quán: Quê Sơn QNĐNDân tộc: Kinh Tôn giáo:Nghề nghiệp: Làm Rẫy

Nơi làm việc:

Giấy CMND số: 200960208Ngày cấp: 20-06-86 Nơi cấp: Đã NẵngChuyển đến ngày: 1987Nơi thường trú trước khi chuyển đến: Quê Sơn QNĐN

Ngày.....tháng.....năm.....

Trưởng Công an.....

Chuyển đi ngày

Nơi chuyển đến

Trưởng công an.....

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: conHọ và tên: HUYỀN CÔNG CHÍNH

Bí danh (Tên thường gọi):

Ngày sinh: 1970 Nam, Nữ NữNơi sinh: Quê Sơn QNĐNNguyên quán: Quê Sơn QNĐNDân tộc: Kinh Tôn giáo:Nghề nghiệp: Làm Rẫy

Nơi làm việc:

Giấy CMND số: 200980125

Ngày cấp:

Chuyển đến ngày: 1987Nơi thường trú trước khi chuyển đến: Quê Sơn QNĐN

Ngày.....tháng.....năm.....

Trưởng Công an.....

Chuyển đi ngày

Nơi chuyển đến

Trưởng công an.....

Họ và tên HUYỄN TÂN ANH
 Bí danh (Tên thường gọi)
 Ngày sinh 1972 Nam, Nữ Nam
 Nơi sinh Quê Sơn QNHN
 Nguyên quán Quê Sơn QNHN
 Dân tộc Kinh Tôn giáo
 Nghề nghiệp Thợ May
 Nơi làm việc
 Giấy CMND số 271145170
 Ngày cấp 12-10-89 Nơi cấp Đồng Nai
 Chuyển đến ngày 1987
 Nơi thường trú trước khi chuyển đến Quê Sơn QNHN

Ngày 6 tháng 2 năm 1996
 Trưởng Công an Thống Nhất



Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến Quê Sơn QNHN

Trưởng công an

Họ và tên LÊ TÀI HỒNG ANH
 Bí danh (Tên thường gọi)
 Ngày sinh 1964 Nam, Nữ Nam
 Nơi sinh Quê Sơn QNHN
 Nguyên quán Quê Sơn QNHN
 Dân tộc Kinh Tôn giáo
 Nghề nghiệp Bưu Điện
 Nơi làm việc
 Giấy CMND số 200E16176
 Ngày cấp 30-7-91 Nơi cấp GNHN
 Chuyển đến ngày 20-06-96
 Nơi thường trú trước khi chuyển đến Quê Sơn QNHN

Ngày 20 tháng 6 năm 1996
 Trưởng Công an Thống Nhất



Chuyển đi ngày
 Nơi chuyển đến Quê Sơn QNHN

Trưởng công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: lên đầu

Họ và tên TRƯỜNG THỊ NGÀ
Bí danh (Tên thường gọi)
Ngày sinh 1973 Nam, Nữ Nữ
Nơi sinh Quê Sơn ANON
Nguyên quán Quê Sơn ANON
Dân tộc KHMER Tôn giáo
Nghề nghiệp Thợ May
Nơi làm việc
Giấy CMND số 200685157
Ngày cấp 11-05-93 Nơi cấp Đà Nẵng
Chuyển đến ngày 26-10-96
Nơi thường trú trước khi chuyển đến Quê Sơn ANON

Ngày 28 tháng 10 năm 96
Trưởng Công an Thống nhất



liên

Chuyển đi ngày 26/10/96
Nơi chuyển đến 3. Liên

Trưởng công an

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ:

Họ và tên
Bí danh (Tên thường gọi)
Ngày sinh Nam, Nữ
Nơi sinh
Nguyên quán
Dân tộc Tôn giáo
Nghề nghiệp
Nơi làm việc
Giấy CMND số
Ngày cấp Nơi cấp
Chuyển đến ngày
Nơi thường trú trước khi chuyển đến

Ngày .. tháng .. năm ..
Trưởng Công an

Chuyển đi ngày
Nơi chuyển đến

Trưởng công an

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



SD
N^o PT 03.9419/94

DINH CƯ

03-10-1999

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC
TỔNG

Cấp tại Hà Nội ngày 03 tháng 10 năm 1994

Issued at _____ on _____
GEC CUBA

Ho và tên *Full name*

Ngày sinh / Date of birth

Nori sinh *Place of birth*

Họ và tên / Full name

Ngày sinh: *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên / Full name

Ngày sinh... *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên Full name

HUYNH TÂN ANH

Ngày sinh Date of birth

05-06-1972

Nơi sinh Place of birth

Quảng Nam - Đà Nẵng

Chỗ ở Domicile

Hồng Nai

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Tacoma Community House
1314 South L Street
Post Office Box 5107
Tacoma, Washington 98405
206 383-3951

TACOMA COMMUNITY HOUSE

Province/City: DONG-NAI
District: THONG-NHAT
Village/sub-dist. TRANG-BOM II

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence*Freedom*Happiness
===
MARRIAGE CERTIFICATE

Form: TP/HT-7
Book: 01
NO. : 215

Wife's full name :

TRUONG THI NGA
Date of birth: 1973
Native: Que-son, Quang-Nam/Danang
Residence: Que-Son, Quang-Nam
Danang

Occupation: Tailor

Ethnicity: Kinh

Nationality: Vietnamese

Certificate of Citizen Card No.
or VISA No. 20068515

Husband's full name:

HUYNH TAN ANH
Date of birth: 1972
Native: Que-Son, Quang-nam/Danang.
Residence: Bau-ca II, Village
Trung-Hoa
Thong-Nhat Dong-Nai.

Occupation: Tailor

Ethnicity: Kinh

Nationality: Vietnamese

Certificate of Citizen Card No.
or VISA No. 271145170

Wife's signature: Nga
Truong Thi Nga
Husband's signature: Tan-Anh
Huynh Tan Anh

Issued date: Sep. 10th/1996 .
For/The People's Committee Trung Hoa .
Illegible signature
Seal: UBND Trung-Hoa.

##- Certification of Translator's Competency.

I, CHINH VU , attest to my competency to translate from Vietnamese into English, and I certify that this is a correct English translation of all pertinent information from the original "CHUNG NHAN KET HON"

Date: April 17th/97 Signature of Translator: [Signature]

*** SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME:

ON: April 17, 1997
Date
AT: Tacoma, WA
Place
BY: [Signature]
Notary
My appointment
expires on : 1-29-01



Tỉnh, Thành phố
Trà Vinh
Huyện, Quận
Thạnh Nhất
Xã, Phường
Thạnh Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT6
Quyển số 07
Số 915

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ TRƯỜNG THỊ NGÀ

Họ tên chồng Huỳnh Văn Anh

Sinh ngày 1973

Sinh ngày 1972

Quê quán Quê Sơn - QN - AN

Quê quán Quê Sơn - Quảng Nam

Nơi thường trú Quê Sơn - Quảng Nam

Nơi thường trú Ban Cán bộ Xã Trung

Hà Nồng

Hòa - Hồng Nhất - A Nhai

Nghề nghiệp Hồ Này

Nghề nghiệp Hồ Này

Dân tộc Kinh / Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh / Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 20068575

Số CMND hoặc Hộ chiếu 271145170

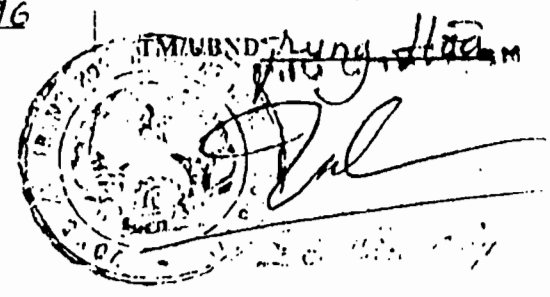
Ngày 10 tháng 9 năm 1996

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

Ngà
Trường Thị Ngà

Anh
Huỳnh Văn Anh



Tacoma Community House
1314 South L Street
Post Office Box 5107
Tacoma, Washington 98405
206 383-3951

TACOMA
COMMUNITY
HOUSE

EXTRACT FROM BIRTH RECORDS

Registered No.
126

Child's full name : HUYNH TAN ANH
Sex : male
Date of Birth : June 05th, 1972
Place of Birth : Son-Chau, Que-Son, Quang-Nam
Father's full name: HUYNH DOM
Age : 1937
Occupation : Military
Residence : KBC 4130
Mother's full name: TRUONG THI DUNG
Age : 1942
Occupation : farmer
Residence : Son-Chau, Que-Son, Quang Nam .
Wife(1st/2nd rank): 1st rank
Declarant's name : Huynh Dom
Age : 1937
Occupation : military
Residence : KBC 4130
Registered date : June 15th, 1972
1st witness' name : Nguyen Nam
Age : 35 years old
Occupation : military
Residence : KBC 4130
2nd witness' name : Tran Van Ba
Age : 45 years old
Occupation : farmer
Residence : Son Chau, Que Son, Quang Nam

Declarant's signature
Huynh Dom

FILED AT: Son Chau , dated June 15th, 1972 .
Chief of Village acting Magistrate Witnesses' signature
Signed Nguyen Quan 1/ Nguyen Nam
EXTRACT IDENTICALLY FROM BIRTH RECORD 2/ Tran Van Ba

#.- CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE.

I, *CHINH VC* hereby certify that the above is an accurate translation of the original "TRICH-LUC KHAI-SANH" in Vietnamese, and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

DATE:

April 17th/97

Michael J. Clark
Signature of Translator.

**** SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME**

ON

April 17, 1997
Date

AT

Tacoma WA.
Place

BY

Be-Anna Wallis
Notary

My appointment expires on: *1-29-01*



TRÍCH LỤC KHAI SANH

Số biên I26

Tên họ An nhi	HUYỀN TẤN ANH
Phái	Nam
Sinh ngày, tháng, năm	Mùng năm, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy hai. (05-06-1972)
Tại	Sơn Châu, Quế Sơn, Quảng Nam
Tên họ cha	Huỳnh Đơm
Tuổi	1937
Nghề nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 4130
Tên họ mẹ	Trương Thị Dung
Tuổi	1942
Nghề nghiệp	Làm nông
Cư trú tại	Sơn Châu, Quế Sơn, Quảng Nam
Vợ (chánh hay thứ)	Chánh
Tên họ người khai	Huỳnh Đơm
Tuổi	1937
Nghề nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 4130
Ngày khai	Mười lăm, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai. (15-06-1972)
Tên họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Năm
Tuổi	35 tuổi
Nghề nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 4130
Tên họ người chứng thứ hai	Trần Văn Ba
Tuổi	45 tuổi
Nghề nghiệp	Làm nông
Cư trú tại	Sơn Châu, Quế Sơn, Quảng Nam

Người khai

Ký tên

Huỳnh Đơm

XÃ TRƯỞNG Hộ tịch

Ủy ban NGUYỄN QUÂN

Nhân chứng

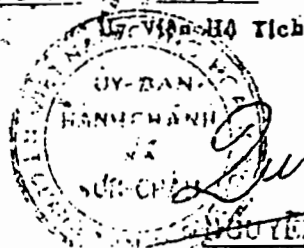
Ký tên

1/ Nguyễn Năm

PHÙNG TRÍCH LỤC

2/ Trần Văn Ba

Sơn Châu, ngày 15 tháng 06 năm 1972



NGUYỄN - QUÂN

Tacoma Community House
1314 South L Street
Post Office Box 5107
Tacoma, Washington 98405
206 383-3951

TACOMA
COMMUNITY
HOUSE

REPUBLIC OF VIETNAM

Province: QUANG NAM
District: QUE SON
Village : SON CHAU

EXTRACT FROM BIRTH RECORDS

Filed on: January 12TH, 1973

Ref.No. 078

Child's full name : TRUONG THI NGA
Sex : Female
Date of Birth : January 01ST, 1973
Place of Birth : Son Chau, Que Son, Quang Nam
Father's full name: Truong Chien
Mother's Full name: Hoang Thi Dung
Legal/Illegal wife: 1ST Rank
Declarant's full name: Truong Chien

EXTRACT IDENTICALLY FROM THE ORIGINAL
Son Chau, dated January 12Th, 1973

Signed: Nguyen Quan

Son Chau Seal

#- CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE.

I, Chinh H. Vu, hereby certify that the above is an accurate translation of the original "TRICH-LUC BO KHAI-SANH" in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date:

April 17th/97

Chinh H. Vu
Signature of Translator.

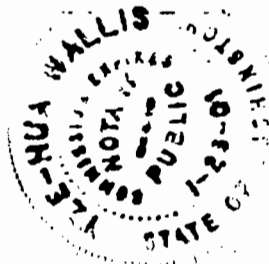
*- SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME

ON : April 17, 1997
Date

AT : Tacoma, WA
Place

BY : Re-Hua Wallis
Notary

My appointment
expires on : 1-29-01



VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ

Tỉnh (Thị xã) Quảng nam

Quận: Quế sơn

Xã (Phường) Sơn châu

Số hiệu 078

Trích-Lục Bộ Khai-Sanh

Lập ngày 12 tháng 01 năm 19 73



Tên họ đưa trả:	TRƯƠNG-THỊ-MGA
Con trai hay con gái:	Gái
Ngày sinh:	Năm một, tháng giêng, năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba. (01.01.1973)
Nơi sinh:	Sơn châu, Quế sơn, Quảng nam
Tên họ người cha:	TRƯƠNG-CHIẾN
Tên họ người mẹ:	HOÀNG-THỊ-DUNG
Vợ chánh hay không có hôn thú:	Chánh
Tên họ người đứng khai:	TRƯƠNG-CHIẾN

TRÍCH LỤC Ý BẢN CHÍNH

Sơn-Châu, ngày 12 tháng 01 năm 19. 73

NGUYỄN - QUỐC

PARENTS INFORMATION

Father's Name (L/M/F): **HUYNH DOM** Mother's Name (L/M/F): _____
No. of eligible Children: **4** Status: _____ Date of ODP interview (dd/mm/yy): **11/6/95**
Address in USA: _____
Phone: Home: _____ IV#: _____
Business: _____ HO#: **RF1-646**

CHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Child Name (L/M/F): **HUYNH TAN ANH** DOB (dd/mm/yy): **5/6/72**
Address in Vietnam: **Ap Bau Ca II, Trang Bom 2, H. Thong Nhat - DONG NAI**
Sex: **Male** Marital Status: **Married** Marriage date (dd/mm/yy): **10/9/96**
Spouse's Name (L/M/F): **TRUONG THI NGA** DOB (dd/mm/yy): **1/1/73**
No. of Children: _____ Exit Permit: **yes** LOI: _____

GRANDCHILDREN INFORMATION IN VIETNAM

Grandchild Name (L/M/F): _____ Sex: _____ DOB (dd/mm/yy): _____

FINAL STATUS INFORMATION

Date of ODP interview (dd/mm/yy): **22/3/97** Date of Arrival (dd/mm/yy): _____
Date of Denial (dd/mm/yy): **22/3/97** Date of Appeal (dd/mm/yy): _____

Applicant IV#: _____ Date (dd/mm/yy): **16/5/97** Initial: **NHV**

Dom Huỳnh

To: C# 21 (1/4/95)

7813 Marthas Lane, Falls.
Church, VA 2204 Tel: 703-560-0058.

- Lời đầu thư Tôi xin gửi đến họ. Với lời Cầu Chối
Tốt đẹp nhất của tôi: Nguyên Xin Thiên Chúa Ban
Ơn phước dư dật Trên Quý Họ.

- Kèm theo thư này Tôi xin gửi đến quý Họ
Tấm bộ giấy Tờ của em và đầu của tôi. Vừa
qua đã được gặp phải đau đớn phung phung vào những
hội Từ Chối.

- Hội này Tôi Chẳng biết nhờ ai Chỉ Trông
Cây Vải sự giúp đỡ Chối Họ.

Tôi Hy vọng rằng Với sự quan Tâm của Hội
Chối Chối gia đình của chúng tôi sớm được
đoan tụ.

Một lần nữa Xin thắp đèn Xưng phước lành
Trên quý họ Trên đây xin quý họ nhân với
đây lòng biết ơn sâu xa nhất của tôi.

Nay kính

Dom
Huỳnh Đình

Name: HUYNH, DOM

Address: _____

Telephone: _____

Date: April /97

Mr. Dewey Pendergrass, Director
Orderly Departure Program
Box 58 - American Embassy
APO AP 96546

RE#: _____

IV#: RFI - 646

HO#: 6/12

Dear Mr. Pendergrass:

Date of Interview ODP:

I am writing on behalf of my (son, daughter, children),
Son: HUYNH XUAN HAI, Dob. 2/10/68 and his wife LE THI HONG ANH, Dob. 02-10-64

Son: HUYNH TAN ANH, Dob. 06-05-72 and his wife TRUONG THI NGA, Dob. 01--01-73.

No children.

I believe that (his, her, their) status under the eligibility guidelines of the Orderly Departure Program (ODP) is affected by the McCain Amendment of the 1997 Foreign Operation Act which restores eligibility to the unmarried over-21 sons and daughters of the former Vietnamese political prisoners.

I request that ODP check the case(s) according to the case numbers provided above and confirm for me that the son(s) or daughters(s) listed above are eligible and part of the group that ODP is now contacting to invite to interview. If a new letter of introduction has already been sent, I would appreciate knowing the date it was sent and to what address in Vietnam. That will help me ensure it arrives.

I appreciate that your office is busy with many cases, but my family and I are equally anxious to ensure that the case of our children be reconsidered under the new law before their eligibility expires.

On behalf of my family, I thank you for your help in this matter.

Sincerely,

huynh dom

cc: FVPPA, 7813 Marthas Lane, Falls Church, VA 22043
"For Information and Follow-up"

"McCain" FAMILY VERIFICATION FORM

To: ODF/OPU/Hopkins
Box 58 - American Embassy
APO AP 96546

Fax: 662-287-2337

• Parents Information

Name HUYNH, DOM Address _____
DOB 05 - 01 - 37 (in U.S.) _____
Phone# _____

V-Number: 112942
IV-Number: 0371222/RF1-0646
Date of ODP _____
Interview: _____
Volag USCC (New-York)

Children in Vietnam Name & DOB	Address in Vietnam	Marital Status	Date of Marriage	Spouse's Name & DOB	Children's Names & DOB
HUYNH XUAN HAI DOB. 02-10-68	Ap Bau Ca II, Trang Bom 2, District THONG NHAT DONG NAI, VIETNAM	Married	5/14/96	LE THI HONG ANH DOB 02 - 10 - 64	NONE
HUYNH TAN ANH DOB. 06 - 05- 72	Ap Bai Ca II, Trang Bom 2 District THONG NHAT DONG NAI, VIETNAM	Married	9/10/96	TRUONG THI NGA dob. 01 - 01 - 73	none

Dom Huynh

April 19th, 1997

Mr. Dewey Pendergrass, Director
Orderly Departure Program
Box 58 - American Embassy
APO AP 96546

RE: Huynh, Hai Xuan and wife, Le, Hong Thi Anh
Huynh, Anh Tan and wife, Truong, Nga Thi
IV #: RF1 - 646
Interviewed: June 11, 1995

Dear Mr. Pendergrass,

I am writing on behalf of my sons, Hai Xuan Huynh and Anh Tan Huynh and their wives Hong Thi Anh Le and Nga Thi Truong, respectively. At the time when I left Vietnam through the Orderly Departure Program, arriving to America on November 14, 1995, my sons were living in Dong Nai, Vietnam, and were single. I left for America with my two daughters, who were eligible to come with me. My two older sons, Hai Xuan Huynh and Anh Tan Huynh were, at the time, ineligible to come with me because they were over 21 years of age.

On May 14, 1996, my older son, Xuan Hai Huynh, married, six months after I had settled in America. My younger son, Anh Tan Huynh, was married September 10, 1996, ten months after I arrived to America. However, at the time of my approval and departure to America, my sons were unmarried.

I believe that my son's status under the eligibility guidelines of the ODP are affected by the McCain Amendment of the 1997 Foreign Operations Act, which restores eligibility for my sons to come to the U.S.. I was a former Vietnamese political prisoner and at the time of my approval to come to the U.S., my sons were single.

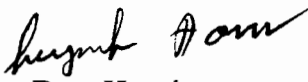
My sons had an ODP interview on November 6, 1995. On March 22, 1997, I was notified that my sons were not eligible to come to the U.S. because they could not establish single status at the time I was approved to go to the U.S.. However, I, Dom Huynh, am testifying that my sons were unmarried when I had to leave them in November of 1995 and then after were married several months after I left Vietnam.

In this dilemma, I ask for your help in arranging for my sons' case to be reconsidered. My sons

were indeed unmarried at the time of my approval and under the McCain amendment, I believe that they can now come to the states to be reunited with my daughters and I. My sons also have documented marriage licenses that account for their marriages being several months after I departed to the U.S.. I know that your office is busy with many cases, but my family and I are equally anxious to ensure that the case of my children be reconsidered under the new law before their eligibility expires.

On behalf of my family, I thank you for your help in this matter. I have enclosed the paperwork I have on my sons' case, in hopes that it may assist you in any way. Thank you for your time. Your help is much appreciated.

Sincerely,

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Dom Huynh", written in a cursive style.

Dom Huynh

cc: FVPPA, Falls Church, VA

enc

1. Your Name DOM HUYNH		5. A Number (Alien Registration Number) A-074 505 798	
2. Address		6. Present Status ☒ Refugee ☐ Asylee ☐ Legal Permanent Resident	
3. Date of Birth (Month Day Year) MAY 01, 1937		7. Date and Place Refugee or Asylee Status was Approved (Month Day Year) 11-14-95 Seattle 266	
4. Place of Birth QUANG-NAM DA-NANG, VIETNAM		8. If Sponsored, Name of Individual Sponsor or Sponsoring Agency USCC/CATHOLIC COMMUNITY SERVICES, TACOMA, WA	

9. If petitioning for your husband or wife, complete the following about your husband or wife:

Name	A-Number	Date of Birth (Month Day Year)	Place of Birth	Nationality	Date of Marriage (Month/Day/Year)	Present Address
Truong, Dung Thi	none	1942	Quan-Nam, VN	Vietnam	1965	Bau Ca II, Trang Bom 2 Thong Nhat Dong-Nai Vietnam

10. If petitioning for your son(s) or daughter(s), complete the following about those son(s) or daughter(s): **Daughter-In-Law**

Name	A-Number	Date of Birth (Month Day Year)	Place of Birth	Sex (Male or Female)	Present Address
HUYNH, HAI XUAN	NONE	02/10/68	Quang-Nam, Vietnam	☒ Male ☐ Female	Bau Ca II, Xa Trung Hoa Thong Nhat Dong-Nai, Vietnam
Huynh, Anh Tan	None	06/05/72	Same as above	☒ Male ☐ Female	Same As Above
Le, Hong-Anh Thi	None	02/10/64	Same as above	☐ Male ☒ Female	Same As above
Truong, Nga Thi	None	01/01/73	Same as above	☐ Male ☒ Female	Same As Above
				☐ Male ☐ Female	
				☐ Male ☐ Female	
				☐ Male ☐ Female	

11. I swear (affirm) the information provided by me herein is true and correct.

Signature of Refugee/Asylee in the United States

Sworn to (affirmed) before me this

12 MAY 97
day of 19

at **SEATTLE, WA**

Signature and Title of INS Officer

Charles C. Spring, IIO

☐ Granted

☐ Denied

Remarks:

Tacoma Community House
1314 South L Street
Post Office Box 5107
Tacoma, Washington 98405
206 383-3951

TACOMA COMMUNITY HOUSE

Province/City:
DONG-NAI
District:
THONG-NHAT
Village/sub-dist.
TRANG-BOM II

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence*Freedom*Happiness

MARRIAGE CERTIFICATE

Form: TP/HT-7

Book: 01

NO. : 67
(second issue)

Wife's full name :
TRUONG THI DUNG
Date of birth: 1942
Native: Que-chau, Que-Son
Quang-nam/Danang
Residence: Bau-ca II, Trang-bom 2,
Thong-Nhat, Dong-Nai.

Occupation: --
Ethnicity: Kinh
Nationality: Vietnamese
Certificate of Citizen Card No.
or VISA No. 200616637

Husband's full name:
HUYNH DOM
Date of birth: 1937
Native: Que-chau, Que-son
Quang-nam/Danang
Residence: Bau-ca II, Trang Bom 2,
Thong-Nhat, Dong-Nai.

Occupation: --
Ethnicity: Kinh
Nationality: Vietnamese
Certificate of Citizen Card No.
or VISA No. 200960137

Wife's signature: Dung, Truong thi Dung

Husband's signature: Dom
Huynh Dom

Issued date: OCT. 16TH/1991.

For/The People's Committee

Signed: Nguyen Tien Duc

Seal: UBND Trang-Bom II

##- Certification of Translator's Competency.

I, CHINH VU, attest to my competency to translate from Vietnamese into English, and I certify that this is a correct English translation of all pertinent information from the original "CHUNG NHAN KET HON"

Date: April 17th/97 Signature of Translator: [Signature]

*** SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME:



ON: April 17, 1997
Date
AT: Tacoma, WA
Place
BY: Hua Wallis
Notary
My appointment
expires on : 1-28-01

Tỉnh Thành phố
Đồng Nai
Huyện Quận
Thống Nhất
Xã Phường
Trảng Bom II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu TPMT7
Số 01
Số 67
Cấp Giáo 2

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ Trương Thị Dung

Sinh ngày 19/4/2

Quê quán Quê' Châu

Quê' Sơn Q.NĐ.N.

Nơi thường trú Cầu Lộ II Trảng Bom II

Thống Nhất Đồng Nai

Nghề nghiệp

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 2.00646.637

Chữ ký người vợ

Ngày 16 tháng 10

Chữ ký người chồng

Họ tên chồng Huỳnh Đôn

Sinh ngày 19/4/2

Quê quán Quê' Châu

Quê' Sơn Q.NĐ.N.

Nơi thường trú Cầu Lộ II Trảng Bom II

Thống Nhất Đồng Nai

Nghề nghiệp

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 2.0096.0437

năm 1991

Dung
Trương Thị Dung

Đôn
Huỳnh Đôn



Nguyễn Tiểu Đức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **200685157**

Họ tên **TRƯƠNG THỊ NGÀ**



Sinh ngày **1973**

Nguyên quán **Quảng nam -
Đà nẵng**

Nơi thường trú **Sơn Châu,
Quế Sơn, Quảng nam**

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt ruồi C.2cm dưới mí mắt phải.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày ... tháng 5 năm 1993 TRƯỞNG TY CÔNG AN  Minh Tiến	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **271145170**

Họ tên **HUỖNH TẤN ANH**



Sinh ngày **05-6-1972**

Nguyên quán **Quảng nam**

Đà Nẵng

Nơi thường trú **Ấp Bàu cá II, Xã
T. bôm 2, T. nhất, Đồng nai.**

Dân tộc... Kinh ...		Tôn giáo... Không ...	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI		Sẹo tròn 0,2cm cách 2cm ngang đuôi mắt trái	
		Ngày 12 tháng 10 năm 1989 CHỖ CHẤM DẤU HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Trần Công Thịnh	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~200616176~~

Họ tên: **LÊ THỊ HỒNG ANH**



Sinh ngày: **10-2-1964**

Nguyên quán: **Quê châu, Quê
sơn, Quảng Nam - Đà Nẵng**

Nơi thường trú: **Quê châu, Quê
sơn, Quảng Nam - Đà Nẵng**

Dân tộc: kinh		Tôn giáo: tin lành	
	NGON TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Not rời c 2cm5 dưới sau mép phải	
	NGON PHẢI	30 tháng 7 năm 1991	
		CHỖ DẤU CHỮ CHỮ HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN	
		 <i>Nguyễn Bá</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **200960208**

Họ tên: **HUỖNH XUÂN HẢI**

Sinh ngày: **10-02-1968**

Nguyên quán: **Quê châu,**

Quê s.m, Quảng nam, Đ. Nẵng

Nơi thường trú: **Quê châu, Quê**

s.m, Quảng nam, Đà Nẵng.



Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Không</u>	
	NGÓN TRỎ TRÁI
	NGÓN TRỎ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH Sẹo chằm C.1,5cm cách 3cm ngay đuôi mắt trái	
Ngày 20 tháng 6 năm 1986 CHỖ CHẤM DẤU ĐỘC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Vân Dân	

ĐƯỢC

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N° PT 03.9417/94

ĐINH CƯ

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer



Vết tích đặc biệt khác
Other particular signs

Chiều cao Height

Nghề nghiệp Occupation

Chức vụ Domestic

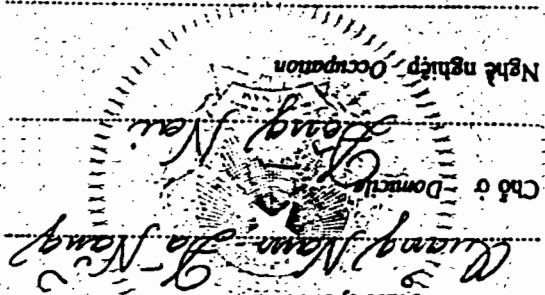
Nơi sinh Place of birth

Ngày sinh Date of birth

Họ và tên Full name

HUYNH XUAN HAI

10-02-1968



4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

13-10-1999

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 03 tháng 10 năm 1994
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



ĐẠI VÂN GIỎ

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

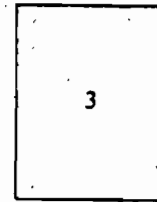
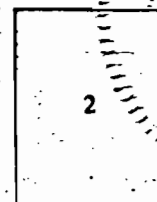
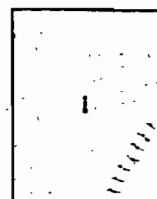
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



From: HUYNH, DOM



0000



22043

U.S. POSTAGE
PAID
TACOMA, WA
98416
JUN 04, 97
AMOUNT

\$0.55
00068156-05

FIRST CLASS

C# 21 (1-4-95)

TO:

Thư kèm giấy xác nhận
của chính quyền địa phương
tại nhận tạm thời sau
ngày cha xuất cảnh.

JUN 07 1997

From: Dom Huynh



0000



22043

U.S. POSTAGE
PAID
TACOMA, WA
98418
MAY 13, 97
AMOUNT

\$1.70

00068156-08

To: C# 21 (1/4/95)

C
n

C

- Bị loại vì ở CM ở tình trạng
độc thân lúc Cha ở PV.

- Update: 28/May 97.

lúc đang ở ở trại, sẽ gọi
thêm gần 100 lính -

R
Hy